

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 01 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

2. Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 969/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 30/11/2018 và tại phiên tòa, chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/12/1999. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh M có người phụ nữ khác từ đó cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 04 con chung tên Nguyễn Diệu N, sinh ngày 25/01/2001; Nguyễn Diệu L, sinh ngày 10/02/2003; Nguyễn Diệu Tr, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Văn Hoài X, sinh ngày 14/3/2009. Hiện các cháu đang sống chung với chị và anh M. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 04 cháu. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ anh chị.

- *Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Văn M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cảm thấy không sống chung được nữa. Nay chị C xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh không trình bày yêu cầu hay ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, mặc dù anh có đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh bỏ ra về, Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án nhưng anh vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải vào ngày 24/12/2018, anh M có đến sau đó bỏ ra về, ngày 03/01/2019 anh M có mặt chị C vắng mặt; Tòa án tiếp tục tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự theo quy định vào các ngày 16/01/2019, ngày 29/01/2019 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn M xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/12/1999 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh M có người phụ nữ khác từ đó cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh M. Đối với anh M xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2014, nay anh cảm thấy không sống chung được nữa, nên chị C xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, cả hai anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn là có xảy ra và thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho chị C được ly hôn anh M.

[2] Về con chung: Anh M, chị C xác định có 04 con chung tên Nguyễn Diệu N, sinh ngày 25/01/2001; Nguyễn Diệu L, sinh ngày 10/02/2003; Nguyễn Diệu Tr, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Văn Hoài X, sinh ngày 14/3/2009, hiện các cháu đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 04 cháu. Đối với anh M, anh không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì về việc trông nom, chăm sóc con chung. Xét thấy, cháu N hiện đã thành niên đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu L, Tr và X, chị C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh M không ý kiến hay yêu cầu gì nên chấp nhận theo yêu cầu của chị C giao 03 cháu L, Tr và X cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc và cũng phù hợp với nguyện vọng các cháu muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Nguyễn Diệu L, Nguyễn Diệu Tr, Nguyễn Văn Hoài X cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh M không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị C không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh M không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản nên không đặt ra xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị C khai không nợ ai và không ai nợ lại; anh M không trình bày hay ý kiến về nợ chung nên chấp nhận theo yêu cầu chị C, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn M.
- Về con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 10/02/2003; Nguyễn Diệu Tr, sinh ngày 17/7/2006; Nguyễn Văn Hoài X, sinh ngày 14/3/2009 cho chị Lê Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Diệu N, sinh ngày 25/01/2001 đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh M được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị C phải chịu 300.000đ. Ngày 03 tháng 12 năm 2018, chị C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001656 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Thế Trân,
Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thu